

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA LUẬT**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LUẬT DÂN SỰ 2**

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

CẦN THƠ – 2018

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾN MÔN HỌC

LUẬT DÂN SỰ 2

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC.

- **Tên môn học:** Luật dân sự 2
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật kinh tế.
+ Bachelor: Đại học
+ Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 45 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật Kinh tế

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng được các vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự như khái niệm, đặc điểm nghĩa vụ dân sự, phân loại nghĩa vụ dân sự; căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ dân sự.

- Hiểu và vận dụng được các vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật về hợp đồng như khái niệm, đặc điểm hợp đồng; phân loại hợp đồng; các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, nội dung và hình thức hợp đồng, quy định pháp luật về các hợp đồng dân sự thông dụng.

- Hiểu và vận dụng được các quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; quy định pháp luật về các trường hợp bồi thường cụ thể.

2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật trong lĩnh vực dân sự;
- Vận dụng được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế;
- Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng;
- Hình thành kỹ năng phản biện, lập luận; kỹ năng tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân.
- Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của

các thành viên trong nhóm.

- Bước đầu hình thành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tư vấn pháp luật về hợp đồng dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Có khả năng lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

- Có khả năng hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

2.4. Về thái độ

- Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật;

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

VD \ MT	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Khái niệm chung về nghĩa vụ dân sự	1A1. Nêu được khái niệm nghĩa vụ dân sự. 1A2. Nêu và phân tích được 4 đặc điểm của quan hệ nghĩa vụ dân sự. 1A3. Nêu được các loại đối tượng của nghĩa vụ dân sự. 1A4. Nêu được 3 điều kiện của đối tượng của nghĩa vụ dân sự (xác định, thực hiện được, không cấm). 1A5. Trình bày được khái niệm, nội dung của ít nhất 5 loại nghĩa vụ dân sự (liên đới,	1B1. Lấy được ít nhất 3 ví dụ về nghĩa vụ dân sự. 1B2. Xác định được đối tượng của nghĩa vụ dân sự trong các trường hợp cụ thể. 1B3. Đưa ra được 2 ví dụ về chuyển giao nghĩa vụ, 2 ví dụ về chuyển giao quyền yêu cầu. 1B4. Tìm được 2 ví dụ cho mỗi loại nghĩa vụ dân sự. 1B5. Xác định được hậu quả pháp lý của chuyển giao quyền	1C1. So sánh được nghĩa vụ dân sự với các nghĩa vụ đạo đức, tập quán. 1C2. Phân tích được ý nghĩa của những quy định pháp luật về đối tượng của nghĩa vụ dân sự. 1C3. Xác định được các tiêu chí phân loại nghĩa vụ dân sự và ý nghĩa của việc phân loại đó. 1C4. So sánh được chuyển giao quyền yêu cầu với chuyển giao nghĩa vụ dân

	riêng rẽ, theo phần, hoàn lại, bổ sung). 1A6. Nêu được khái niệm, điều kiện, nội dung về chuyển giao quyền yêu cầu, chuyển giao nghĩa vụ dân sự.	yêu cầu, chuyển giao nghĩa vụ dân sự trong những tình huống cụ thể.	sự. 1C5. Đánh giá được các quy định của pháp luật về các loại nghĩa vụ dân sự.
2. Xác lập, thực hiện, chấm dứt nghĩa vụ dân sự và trách nhiệm dân sự	2A1. Nêu được 6 căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ dân sự. 2A2. Nêu được nguyên tắc và nội dung thực hiện nghĩa vụ dân sự. 2A3. Nêu được 11 căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ dân sự. 2A4. Nhận diện được khái niệm trách nhiệm dân sự. 2A5. Nhận diện được 4 đặc điểm của trách nhiệm dân sự. 2A6. Phân loại được các trách nhiệm dân sự phát sinh khi vi phạm nghĩa vụ dân sự.	2B1. Tìm được ví dụ cho từng căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ dân sự. 2B2. Phân tích được hứa thưởng, thi có giải là căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự. 2B3. Tìm được ví dụ cho từng căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ dân sự. 2B4. Tìm được ví dụ cho việc chậm thực hiện nghĩa vụ, hoãn thực hiện nghĩa vụ. 2B5. Tìm được ví dụ về thực hiện nghĩa vụ có điều kiện, thực hiện nghĩa vụ liên đới, thực hiện nghĩa vụ phân chia được theo phần. 2B6. Vận dụng được nguyên tắc, nội dung thực hiện nghĩa vụ dân sự vào các tình huống cụ thể. 2B7. Vận dụng được vào những vụ việc cụ thể để xác định trách nhiệm dân sự của bên	2C1. Đưa ra được ý kiến cá nhân về căn cứ làm phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ dân sự trong pháp luật hiện hành. 2C2. Bình luận được quy định của pháp luật dân sự về thực hiện nghĩa vụ dân sự. 2C3. Phân biệt được hứa thưởng với tặng cho có điều kiện. 2C4. Phân biệt được hứa thưởng với các hành vi pháp lý đơn phương khác (thi có giải, lập di chúc). 2C5. Phân biệt được thi có giải với các hình thức thi khác. 2C6. So sánh được thực hiện công việc không có uỷ quyền với việc người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện. 2C7. So sánh được trách nhiệm dân sự với trách nhiệm

		vi phạm nghĩa vụ hoặc người gây thiệt hại.	hành chính, hình sự. 2C8. So sánh được thực hiện nghĩa vụ dân sự với trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ dân sự. 2C9. So sánh được chuyển giao nghĩa vụ dân sự với thực hiện nghĩa vụ dân sự thông qua người thứ ba; giữa chuyển giao quyền yêu cầu với thực hiện quyền yêu cầu thông qua người thứ ba.
3. Quy định chung về hợp đồng	<p>3A1. Nêu được khái niệm hợp đồng.</p> <p>3A2. Nêu được 8 nguyên tắc của việc giao kết hợp đồng (tự do, tự nguyện, không trái điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, trung thực, ngay thẳng).</p> <p>3A3. Nêu được khái niệm hình thức hợp đồng và các đặc điểm cơ bản của 3 hình thức (miệng, văn bản, hành vi).</p> <p>3A4. Nêu được các loại điều khoản của hợp đồng (điều khoản cơ bản, điều khoản thông thường, điều khoản tùy</p>	<p>3B1. Tìm được các ví dụ cụ thể cho từng nguyên tắc giao kết hợp đồng.</p> <p>3B2. Xác định được thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc quá trình giao kết hợp đồng trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>3B3. Dựa vào tiêu chí phân loại để nhận diện được các hợp đồng cụ thể.</p> <p>3B4. Vận dụng được quy định của pháp luật để giải thích hợp đồng trong các tình huống cụ thể.</p> <p>3B5. Lấy được ít nhất 2 ví dụ minh họa cho mỗi cách phân loại</p>	<p>3C1. Phân biệt được tự do với tự nguyện, thiện chí với hợp tác; phân tích được các biểu hiện của nguyên tắc bình đẳng.</p> <p>3C2. Phân biệt được các hình thức giao kết hợp đồng trong thực tế.</p> <p>3C3. Phân tích được các ý nghĩa của từng cách phân loại hợp đồng.</p> <p>3C4. Bình luận được quy định về giải thích hợp đồng.</p> <p>3C5. Có khả năng nhận biết và phân biệt được giữa các trường hợp hợp</p>

	<p>nghi).</p> <p>3A5. Nêu được hai giai đoạn của quá trình giao kết hợp đồng (đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng).</p> <p>5A6. Nêu được 6 cách phân loại hợp đồng (đối tượng, mối liên hệ quyền và nghĩa vụ, tính chất đền bù, thời điểm có hiệu lực, lợi ích của người thứ ba, hợp đồng có điều kiện).</p> <p>3A7. Nêu được 8 căn cứ để giải thích hợp đồng.</p> <p>3A8. Nêu được các nguyên tắc và các phương thức thực hiện hợp đồng.</p> <p>3A9. Nêu được thời điểm có hiệu lực của hợp đồng; căn cứ chấm dứt hợp đồng; trình tự sửa đổi, bổ sung hợp đồng; thời hiệu khởi kiện về hợp đồng.</p>	<p>hợp đồng.</p> <p>3B6. Phân tích được và cho ví dụ về việc thực hiện hợp đồng song vụ và đơn vụ.</p> <p>3B7. Phân tích được các trường hợp bên có nghĩa vụ được quyền tuyên bố hoãn việc thực hiện nghĩa vụ dân sự.</p> <p>5B8. Lấy được ví dụ về quyền cầm giữ trong hợp đồng song vụ.</p> <p>5B9. Lấy được ví dụ về thực hiện hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba.</p> <p>5B10. Lấy được ví dụ về thời hiệu khởi kiện đối với vi phạm hợp đồng.</p>	<p>đồng vô hiệu với các trường hợp huỷ bỏ hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng.</p> <p>3C6. Phân biệt được thời điểm giao kết hợp đồng với thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng và nêu được ý nghĩa pháp lí của sự phân biệt này.</p>
<p>4. Hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản</p>	<p>4A1. Nêu được khái niệm, đặc điểm và các yếu tố pháp lý cơ bản của hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản.</p> <p>4A2. Nêu được khái niệm và các yếu tố pháp lý cơ bản của hợp đồng mua bán tài</p>	<p>4B1. Xác định được các hợp đồng mua bán, tặng cho, trao đổi, cho vay tài sản trong những trường hợp cụ thể.</p> <p>4B2. Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải</p>	<p>4C1. Đánh giá được sự khác biệt giữa hợp đồng mua bán có đối tượng là bất động sản với hợp đồng mua bán tài sản thông thường khác.</p> <p>4C2. Phân tích được</p>

	<p>sản (đối tượng, tính chất, các điều khoản chủ yếu, hình thức, quyền và nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng).</p> <p>4A3. Nêu được các đặc điểm của hợp đồng mua bán nhà ở.</p> <p>4A4. Nêu được các đặc điểm riêng của hợp đồng bán đấu giá, mua trả dần, mua trả chậm, bán có chuộc lại, mua sau khi dùng thử.</p>	<p>quyết các tranh chấp cụ thể về hợp đồng mua bán tài sản, trao đổi tài sản, tặng cho tài sản, cho vay tài sản.</p> <p>4B3. Trình bày được thủ tục tiến hành một cuộc bán đấu giá tài sản.</p> <p>4B4. Nắm được trình tự cụ thể của một hợp đồng mua bán nhà ở: giao kết, công chứng, đăng kí sang tên trước bạ...</p>	<p>những khác biệt cơ bản giữa rút lại giá mua và từ chối mua trong bán đấu giá tài sản.</p> <p>4C3. So sánh được hợp đồng cầm đồ với hợp đồng bán tài sản với điều kiện chuộc lại.</p> <p>4C4. Phân biệt được hợp đồng mua sau khi sử dụng thử với hợp đồng bán có chuộc lại.</p> <p>4C5. Phân biệt được hợp đồng mua trả chậm, trả dần với phương thức thanh toán chậm trả trong hợp đồng mua bán tài sản.</p>
<p>5</p> <p>Hợp đồng chuyển quyền sở hữu (tiếp)</p>	<p>5A1. Nêu được đặc điểm và các yếu tố pháp lý cơ bản của hợp đồng trao đổi tài sản.</p> <p>5A2. Nêu được đặc điểm và các yếu tố pháp lý cơ bản của hợp đồng tặng cho và tặng cho có điều kiện.</p> <p>5A2. Nêu được các đặc điểm của hợp đồng vay tài sản.</p> <p>5A3. Nêu được khái niệm lãi, lãi suất. Các loại lãi, lãi suất. Cách tính lãi trong hợp đồng</p>	<p>5B1. Xác định được sự khác biệt cơ bản giữa hợp đồng mua bán và hợp đồng trao đổi tài sản.</p> <p>5B2. Xác định được sự khác biệt cơ bản giữa hợp đồng tặng cho có điều kiện và hứa thưởng.</p> <p>5B3. Xác định được trách nhiệm của bên vay trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.</p> <p>5B4. Nhận diện và xử lý được các tranh</p>	<p>5C1. Soạn thảo được hợp đồng mua bán tài sản, trao đổi tài sản, tặng cho tài sản, cho vay tài sản.</p> <p>5C2. Đánh giá được các loại hình, đặc điểm của các loại hình vay và cho vay của các ngân hàng và các tổ chức tín dụng trên thực tế.</p> <p>5C3. So sánh được trao đổi nhà ở với trao đổi các tài sản khác.</p> <p>5C4. Đánh giá được</p>

	<p>vay tài sản.</p> <p>5A4. Nêu được các loại hợp đồng vay tài sản.</p>	<p>chấp liên quan đến hối, họ, biểu, phường trong các trường hợp cụ thể.</p>	<p>quy định của pháp luật hiện hành về hợp đồng tặng cho, hợp đồng vay tài sản.</p>
<p>6 Hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản</p>	<p>6A1. Liệt kê được các hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản.</p> <p>6A2. Nêu được khái niệm và các yếu tố pháp lý cơ bản của hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng mượn tài sản: Đối tượng, các điều khoản chủ yếu, hình thức, quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể, trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng.</p> <p>6A3. Nêu được các đặc điểm pháp lý cơ bản của hợp đồng thuê nhà, thuê quyền sử dụng đất.</p> <p>6A4. Nêu được các đặc điểm pháp lý cơ bản của hợp đồng thuê khoán tài sản.</p>	<p>6B1. Nhận diện được các hợp đồng thuê, hợp đồng mượn tài sản trong những trường hợp cụ thể.</p> <p>6B2. Soạn thảo được hợp đồng thuê tài sản, thuê nhà, thuê khoán tài sản.</p> <p>6B3. Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tranh chấp cụ thể về hợp đồng mượn tài sản.</p> <p>6B4. Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tranh chấp cụ thể về hợp đồng thuê tài sản.</p> <p>6B5. Vận dụng được các quy định của pháp luật để xác định được các điều khoản trong một hợp đồng thuê nhà, thuê quyền sử dụng đất cụ thể.</p>	<p>6C1. Phân tích được những khác biệt giữa hợp đồng thuê tài sản thông thường và hợp đồng thuê khoán tài sản.</p> <p>6C2. Phân tích được những khác biệt giữa đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà ở và chấm dứt hợp đồng thuê nhà ở.</p> <p>6C3. So sánh được hợp đồng thuê với hợp đồng mượn tài sản.</p> <p>6C4. So sánh được hợp đồng thuê nhà để sử dụng vào mục đích khác với hợp đồng thuê khoán tài sản.</p> <p>6C5. So sánh được hợp đồng thuê khoán với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.</p> <p>6C6. Phân tích được mối quan hệ pháp lý giữa các chủ thể trong hợp đồng cho thuê lại tài sản.</p>

<p>7. Các hợp đồng có đối tượng là công việc</p>	<p>7A1. Liệt kê được các hợp đồng có đối tượng là công việc.</p> <p>7A2. Nêu được các yếu tố pháp lý cơ bản của hợp đồng dịch vụ, hợp đồng gia công, hợp đồng gửi giữ, hợp đồng vận chuyển (hành khách, tài sản), hợp đồng dịch vụ, hợp đồng uỷ quyền, hợp đồng bảo hiểm: Khái niệm, đối tượng, các điều khoản chủ yếu, hình thức, quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể, trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng.</p>	<p>7B1. Xác định được hợp đồng dịch vụ trong những trường hợp cụ thể.</p> <p>7B2. Xác định được hợp đồng gia công trong những trường hợp cụ thể.</p> <p>7B3. Xác định được hợp đồng gửi giữ tài sản trong những trường hợp cụ thể.</p> <p>7B4. Xác định được hợp đồng vận chuyển hành khách, vận chuyển tài sản trong những trường hợp cụ thể.</p> <p>7B5. Xác định được hợp đồng uỷ quyền trong những trường hợp cụ thể.</p> <p>7B6. Nêu được điều kiện và các trường hợp không được phép uỷ quyền.</p> <p>7B7. Xác định được hợp đồng bảo hiểm trong những trường hợp cụ thể.</p> <p>7B8. Lấy được ví dụ chứng minh cho trường hợp chuyển yêu cầu bồi hoàn trong hợp đồng bảo hiểm.</p>	<p>7C1. So sánh được các loại hợp đồng cùng có đối tượng là công việc.</p> <p>7C2. So sánh được đặc thù của hợp đồng gia công mà bên nhận gia công đồng thời là người cung cấp nguyên vật liệu hoặc mẫu sản phẩm với hợp đồng gia công mà bên thuê gia công là người cung cấp nguyên vật liệu và mẫu sản phẩm.</p> <p>7C3. Phân tích được mối quan hệ giữa hợp đồng bảo hiểm với hợp đồng vận chuyển hành khách, tài sản.</p> <p>7C4. Xác định được mối liên hệ giữa quan hệ đại diện và hợp đồng uỷ quyền.</p> <p>7C5. So sánh và xác định được trách nhiệm của các chủ thể trong quan hệ uỷ quyền và quan hệ uỷ quyền lại.</p> <p>7C6. Phân biệt được hợp đồng dịch vụ, hợp đồng khoán việc, hợp đồng lao động.</p> <p>7C7. Phân tích</p>
---	--	---	--

			được tính chất dân sự, thương mại trong hợp đồng bảo hiểm.
8. Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	<p>8A1. Trình bày được khái niệm, chủ thể, đối tượng, hình thức, nội dung của hứa thưởng thi có giải.</p> <p>8A2. Nêu được khái niệm, điều kiện, nội dung của thực hiện công việc không có uỷ quyền.</p> <p>8A3. Trình bày được khái niệm, điều kiện, nội dung của hoàn trả tài sản do chiếm hữu, sử dụng, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.</p>	<p>8B1. Lấy được ít nhất 3 ví dụ thực tế về hứa thưởng, thi có giải, thực hiện công việc không có uỷ quyền, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.</p> <p>8B2. Giải quyết được các tình huống có liên quan đến thi có giải.</p> <p>8B3. Giải quyết được các tình huống có liên quan đến hứa thưởng.</p> <p>8B4. Giải quyết được các tình huống có liên quan thực hiện công việc không có uỷ quyền.</p> <p>8B5. Giải quyết được các tình huống có liên quan được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.</p>	<p>8C1. Phân biệt được hứa thưởng với tặng cho có điều kiện.</p> <p>8C2. Phân biệt được hứa thưởng với các hành vi pháp lý đơn phương khác (thi có giải, lập di chúc).</p> <p>8C3. Phân biệt được thi có giải với các hình thức thi khác.</p> <p>8C4. So sánh được thực hiện công việc không có uỷ quyền với vượt quá phạm vi đại diện.</p> <p>8C5. Phân tích được mối quan hệ của chế định nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật với chế định quyền sở hữu</p>
9. Quy định chung về bồi thường thiệt hại ngoài	<p>9A1. Nêu được khái niệm trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.</p> <p>9A2. Chỉ ra được 4</p>	9B1. Xác định được các loại thiệt hại ngoài hợp đồng phải bồi thường trong những tình huống	9C1. Phân biệt được trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo hợp đồng với trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp

<p>hợp đồng</p>	<p>điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.</p> <p>9A3. Nêu được các nguyên tắc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.</p> <p>9A4. Trình bày được năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.</p> <p>9A5. Nêu được các loại thiệt hại trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.</p> <p>9A6. Nêu được thời hạn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại.</p>	<p>thực tế xảy ra.</p> <p>9B2. Xác định được người phải bồi thường và người được bồi thường thiệt hại trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p>9B3. Xác định được thời hạn bồi thường thiệt hại trong trường hợp tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm.</p> <p>9B4. Xác định được thời hạn yêu cầu giải quyết việc bồi thường thiệt hại trong các trường hợp cụ thể.</p> <p>9B5. Lấy được ít nhất 2 ví dụ về phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.</p> <p>9B6. Lấy được ít nhất 2 ví dụ về phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.</p>	<p>đồng.</p> <p>9C2. Phân tích được các cơ sở để xác định các chi phí hợp lý trong việc xác định thiệt hại.</p> <p>9C3. Đưa ra được nhận xét cá nhân về mức bồi thường thiệt hại về tinh thần.</p> <p>9C4. Đưa ra được quan điểm của cá nhân trong việc xác định năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại trong trường hợp tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm.</p> <p>9C5. Chỉ ra được những bất cập trong quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại (trong phần những quy định chung) và phương hướng hoàn thiện.</p>
<p>10. Bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra</p>	<p>10A1. Nêu được khái niệm bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra.</p> <p>10A2. Nêu được các nội dung pháp lý cơ bản về bồi thường thiệt hại do vượt quá giới</p>	<p>10B1. Tìm được ít nhất hai tình huống cụ thể cho mỗi trường hợp về bồi thường thiệt hại do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, do vượt quá yêu cầu của tình</p>	<p>10C1. Phát biểu được ý kiến cá nhân về quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng liên quan đến mức bồi thường (bồi</p>

	<p>hạn phòng vệ chính đáng, bồi thường thiệt hại do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.</p> <p>10A3. Nêu được các nội dung pháp lý cơ bản về bồi thường thiệt hại do dùng chất kích thích gây ra, nhiều người cùng gây thiệt hại, do người bị thiệt hại có lỗi.</p> <p>10A4. Nêu được các nội dung pháp lý cơ bản về bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân; cán bộ, công chức; người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây thiệt hại; bồi thường thiệt hại do người làm công, người học nghề gây ra.</p> <p>10A5. Nêu được các nội dung pháp lý cơ bản về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường, do vi phạm quyền lợi người tiêu dùng, do xâm phạm thi thể, mồ mả.</p>	<p>thế cấp thiết.</p> <p>10B2. Lấy được ít nhất 2 tình huống cho mỗi trường hợp về bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây thiệt hại, do người bị thiệt hại có lỗi.</p> <p>10B3. Lấy được ít nhất 2 tình huống cho mỗi trường hợp về bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân; cán bộ, công chức; người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng; người làm công, người học nghề gây ra.</p> <p>10B4. Lấy ít nhất 2 tình huống cho mỗi trường hợp về bồi thường thiệt hại do người dưới 15 tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra, do người dùng chất kích thích gây ra.</p> <p>12B5. Vận dụng các quy định pháp luật dân sự để giải quyết tình huống cụ thể về bồi thường thiệt hại do hành vi con người gây ra.</p>	<p>thường toàn bộ hay bồi thường phân vượt quá).</p> <p>10C2. Phân biệt được trách nhiệm liên đới và trách nhiệm riêng rẽ trong trường hợp có nhiều người gây ra thiệt hại.</p> <p>10C3. Phân biệt được hỗn hợp lỗi với thiệt hại do nhiều người cùng gây ra.</p> <p>10C4. Đưa ra được quan điểm cá nhân về những khó khăn, vướng mắc khi xác định bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra.</p> <p>10C5. Phân biệt được người làm công, người học nghề của pháp nhân với người của pháp nhân.</p> <p>12C6. Đưa ra được quan điểm của cá nhân về phương hướng hoàn thiện pháp luật về bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường.</p> <p>12C7. Giải thích được tại sao các tranh chấp về mồ mả</p>
--	---	--	--

			lại thuộc phạm vi điều chỉnh của luật dân sự.
<p>11</p> <p>Bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra</p>	<p>11A1. Hiểu được khái niệm thiệt hại và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra.</p> <p>11A2. Nêu được khái niệm và liệt kê các loại nguồn nguy hiểm cao độ, khái niệm “giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng”.</p> <p>11A3. Trình bày được các điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; chủ thể phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.</p> <p>11A4. Nêu được những nội dung cơ bản của quy định pháp luật bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra.</p> <p>11A5. Nêu được những nội dung cơ bản của quy định pháp luật bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra.</p>	<p>11B1. Giải thích được tại sao pháp luật dân sự lại quy định bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.</p> <p>11B2. Phân tích được từng loại nguồn nguy hiểm cao độ theo quy định của pháp luật.</p> <p>11B3. Vận dụng được quy định pháp luật để giải quyết các vụ việc cụ thể bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.</p> <p>11B4. Xác định được các trường hợp thiệt hại xảy ra liên quan đến nguồn nguy hiểm cao độ được coi là thiệt hại do tài sản gây ra và thiệt hại do con người gây ra.</p> <p>11B5. Giải quyết được tình huống cụ thể liên quan đến bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra.</p> <p>11B6. Lấy được ví dụ minh họa và vận dụng được quy định của pháp luật để giải quyết các vụ việc bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra.</p>	<p>11C1. Xây dựng được khái niệm nguồn nguy hiểm cao độ.</p> <p>- Phân tích và giải thích được những đặc điểm riêng của trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.</p> <p>- Chỉ ra và phân tích được những điểm chưa rõ ràng trong quy định về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.</p> <p>- Chỉ ra được những điểm bất cập trong các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.</p> <p>11C2. Phân tích, đánh giá được thực tiễn áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại do súc vật, cây cối, nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra ở nước ta hiện nay.</p> <p>11C3. Đưa ra được</p>

		<p>11B7. Lấy ví dụ minh họa và vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các vụ việc bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra.</p>	<p>quan điểm của cá nhân trong việc xác định mối liên quan trong việc bồi thường giữa chủ sở hữu với người được chủ sở hữu giao quản lý, sử dụng nhà cửa, công trình xây dựng khi tài sản này gây thiệt hại.</p> <p>11C4. Chỉ ra điểm khác biệt cơ bản giữa điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra và điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra.</p>
--	--	--	--

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY-HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VD	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	.11 vấn đề	20	20		5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-5	<p>Chương 1: Khái quát chung về nghĩa vụ dân sự</p> <p>1.1. Khái niệm, đặc điểm nghĩa vụ dân sự</p> <p>1.2. Đối tượng nghĩa vụ dân sự</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV sinh hoạt chung về môn học, và giao bài tập cho nhóm làm báo cáo. - GV diễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Sv lắng nghe và nhận bài tập từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu

	1.3. Phân loại nghĩa vụ dân sự.	giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 21 -26	Chương 2: Xác lập, thực hiện, chấm dứt nghĩa vụ dân sự và trách nhiệm dân sự 2.1. Căn cứ xác lập, chấm dứt nghĩa vụ dân sự 2.2. Thay đổi chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ 2.3 Thực hiện nghĩa vụ dân sự 2.4. Trách nhiệm dân sự.	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 13-20	Chương 3: Quy định chung về hợp đồng. 3.1. Khái niệm, đặc điểm, 3.2. Phân loại hợp đồng 3.3. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng 3.4. Hợp đồng vô hiệu 3.5. Giao kết hợp đồng 3.7. Thực hiện hợp đồng 3.8. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng	- GV diễn giảng. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống. - Hướng dẫn, giải đáp.	- SV nghe giảng. - SV thảo luận; Trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 20 – 26	Chương 4: Các hợp đồng chuyển quyền sở hữu (vấn đề 4	- GV diễn giảng	- SV nghe giảng. - SV thảo luận;

	<p>+ vấn đề 5)</p> <p>4.1. Hợp đồng mua bán tài sản</p> <p>4.2. Hợp đồng tặng cho tài sản</p> <p>4.3. Hợp đồng vay tài sản</p> <p>4.5 Hợp đồng trao đổi tài sản</p>	<p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống.</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp tình huống.</p> <p>- Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo</p>	<p>Trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>
Tiết 27-29	<p>Chương 5: Các hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản.</p> <p>5.1. Hợp đồng thuê, thuê khoán</p> <p>5.2. Hợp đồng mượn tài sản</p> <p>5.3. Hợp đồng gửi giữ</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.</p>
Tiết 30-32	<p>Chương 6: Hợp đồng có đối tượng là công việc.</p> <p>6.1. Hợp đồng ủy quyền</p> <p>6.2. Hợp đồng dịch vụ</p> <p>6.3. Hợp đồng vận chuyển</p> <p>6.4. Hợp đồng gia công</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.</p>
Tiết 33-35	<p>Chương 7: Nghĩa vụ ngoài hợp đồng</p> <p>7.1. Hứa thưởng</p> <p>7.2. Thi có giải</p> <p>7.3. Thực hiện công việc không có ủy quyền.</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>

		lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	
Tiết 36-39	<p>Chương 8: Khái quát chung về trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng.</p> <p>8.1. Khái niệm, đặc điểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.</p> <p>8.2. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng</p> <p>8.3. Nguyên tắc bồi thường.</p> <p>8.4. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường</p> <p>8.5. Xác định thiệt hại.</p> <p>8.6. Thời hiệu khởi kiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 40-42	<p>Chương 9: Trách nhiệm bồi thường do hành vi con người gây ra.</p> <p>9.1. Bồi thường do người của pháp nhân gây ra</p> <p>9.2. Bồi thường thiệt hại do người làm công người học nghề gây ra</p> <p>9.3. Bồi thường do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.</p> <p>9.4. Bồi thường thiệt hại do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.</p> <p>9.5. Bồi thường thiệt hại do cán bộ công chức gây ra khi thi hành công vụ.</p> <p>9.6. Bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>9.7 Bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.
Tiết 43-45	Chương 10. Trách nhiệm bồi	- GV diễn	- SV nghe giảng,

	<p>thường thiệt hại do tài sản gây ra</p> <p>10.1. Bồi thường thiệt hại do công tình xây dựng gây ra</p> <p>1.0.2. Bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra</p> <p>10.3. Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra</p> <p>ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN</p>	<p>giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.</p>	<p>ghi chép.</p> <p>- SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.</p>
--	---	--	--

5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm Tổng: 10 điểm 	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. <ul style="list-style-type: none"> + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lô cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm 	10
3	Thi kết	50	+ Thi kết thúc học phần	10

	thức HP		+ Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	
--	----------------	--	--	--

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), *Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức, TP. HCM.
2. Bộ luật Dân sự năm 2015

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Lê Đình Nghị (2014), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam (tập 2)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Văn Đại (2016), *Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng – Bản án và bình luận bản án*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đỗ Văn Đại (2014), *Luật nghĩa vụ dân sự và bảo đảm nghĩa vụ dân sự – Bản án và bình luận bản án*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đỗ Văn Đại – Nguyễn Trường Tín (2014), *Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, TP.HCM

Cần Thơ, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN